



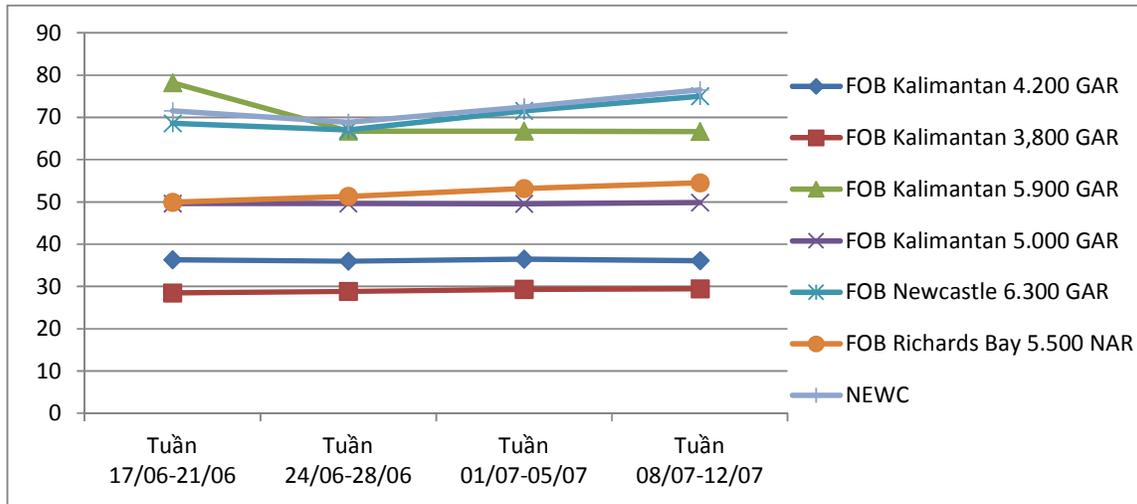
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP**  
**CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ**  
**BẢN TIN NHIÊN LIỆU TUẦN 2 - THÁNG 7**  
**(08/07 – 12/07)**

**I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN**

**1. GIÁ THAN KHU VỰC**

*Đơn vị tính: USD/tấn*

Chỉ số giá than khu vực	Tuần 17/06-21/06	Tuần 24/06-28/06	Tuần 01/07-05/07	Tuần 08/07-12/07
FOB Kalimantan 4,200 GAR	36,29	35,99	36,47	36,13
FOB Kalimantan 3,800 GAR	28,45	28,79	29,31	29,44
FOB Kalimantan 5,900 GAR	78,21	66,77	66,71	66,67
FOB Kalimantan 5,000 GAR	49,62	49,64	49,52	49,85
FOB Newcastle 6,300 GAR	68,56	67,05	71,54	75,05
FOB Richards Bay 5,500 NAR	49,92	51,32	53,18	54,51
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	71,53	68,81	72,48	76,51



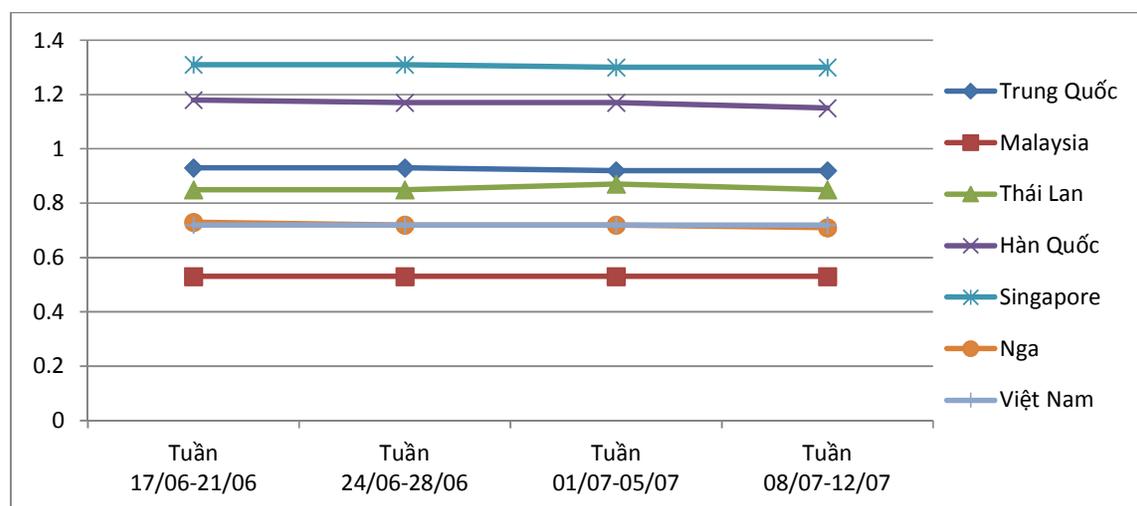
**Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 2 tháng 7 (2019)**

*(Nguồn: Platts Coal Trader International)*

## 2. GIÁ DẦU DO KHU VỰC

Đơn vị: USD/lít

Chỉ số giá dầu DO quốc tế	Tuần 17/06-21/06	Tuần 24/06-28/06	Tuần 01/07-05/07	Tuần 08/07-12/07
Trung Quốc	0,93	0,93	0,92	0,92
Malaysia	0,53	0,53	0,53	0,53
Thái Lan	0,84	0,85	0,87	0,85
Hàn Quốc	1,18	1,17	1,17	1,15
Singapore	1,30	1,31	1,3	1,3
Nga	0,72	0,72	0,72	0,71
Việt Nam	0,72	0,72	0,72	0,72



Biểu đồ 2: Giá dầu DO trung bình khu vực đến tuần 2 tháng 7 (2019)

(Nguồn: <https://www.globalpetrolprices.com>)

## 3. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tuần 2 tháng 7	08/07	09/07	10/07	11/07	12/07
<b>Tàu Capesize (150,000 tấn)</b>						
1	Úc – Trung Quốc	10,45	11,35	11,20	11,30	N/A
2	Queensland – Nhật Bản	11,90	12,95	12,80	12,90	N/A
3	New South Wales – Hàn Quốc	12,90	13,95	13,80	13,90	N/A
<b>Tàu Panamax (70,000 tấn)</b>						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	13,00	13,00	14,25	14,50	N/A
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	9,10	9,25	9,50	10,20	N/A
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	13,15	13,15	14,40	14,65	N/A
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	7,65	7,80	8,00	8,70	N/A
5	Úc - Trung Quốc	12,15	12,25	12,25	13,25	N/A
6	Úc - Ấn Độ	13,75	13,85	14,00	15,25	N/A

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

## II. ĐIỂM TIN

### Xuất khẩu than nhiệt của Nam Phi trong tháng 5 tăng 5% lên 6,61 triệu tấn

Nam Phi đã xuất khẩu 6,61 triệu tấn than nhiệt trong tháng 5, tăng 5% so với tháng 4 và 9% so với tháng 5 năm trước, theo dữ liệu hải quan mới nhất. Ấn Độ là nước nhập khẩu than Nam Phi nhiều nhất trong tháng với 4,59 triệu tấn, tương đương 69% tổng lượng xuất khẩu. Con số này thấp hơn 2% so với tháng 4 nhưng tăng đến hơn 40% so với tháng 5 năm trước. Ấn Độ vốn là thị trường nhập khẩu than lớn nhất của Nam Phi, nhưng giai đoạn từ tháng 3 đến tháng 5 đã chứng kiến khối lượng tăng vọt lên mức kỷ lục, đây là ba tháng nhập khẩu nhiều nhất kể từ khi S&P Global Platts bắt đầu thu thập dữ liệu trong năm 2014. Tương tự các tháng trước, việc Ấn Độ tăng cường nhập khẩu trong tháng 5 có thể được giải thích bởi khách hàng Ấn Độ tận dụng giá than giao lẻ giảm, cũng như dự trữ cho mùa mưa sắp tới.

Ngoài Ấn Độ, các thị trường trọng điểm khác lại quay đầu giảm nhập khẩu. Pakistan, nước nhập khẩu than Nam Phi lớn thứ hai trong năm 2018 và 2017, mua 615.940 tấn. Con số này thấp hơn 11% so với tháng 4 và 9% so với năm trước. Hàn Quốc, một trong ba nước nhập khẩu than Nam Phi lớn nhất từ trước đến nay, lần đầu tiên không nhập chuyển hàng than nào kể từ tháng 9 năm 2016. Nhu cầu tiêu thụ than ở Hàn Quốc gần đây đã giảm sâu do nhu cầu sử dụng điện giảm và sản xuất điện hạt nhân cũng như điện tái tạo phát triển. Thêm vào đó, thời gian bảo trì tại một số NMNĐ của nước này kéo dài đã dẫn đến lượng than tồn kho cao và trì hoãn giao hàng, từ đó góp phần làm giảm nhu cầu than trong tháng 5.

Ngoài các thị trường chính, một số nước không mua than Nam Phi trong tháng 4 và tháng 5 năm trước đã nhập khẩu trong tháng 5, trong đó có Việt Nam, Malaysia và Ba Lan, lần lượt 162.753 tấn, 140.690 tấn, và 131.315 tấn.

### Tình hình xuất khẩu than nhiệt của Nam Phi trong tháng 5

	Khối lượng (tấn)	Thay đổi theo tháng (%)	Thay đổi theo năm (%)
Ấn Độ	4.586.672	-1,9	39,6
Pakistan	615940	-11,3	-9,3
Việt Nam	162.753	N/A	N/A
Đài Loan	159.582	N/A	-19,2
Malaysia	140.690	N/A	N/A
Ba Lan	131.315	N/A	N/A
Ả rập Xê út	113.605	2,7	13,5
Các nước khác	704.320	N/A	N/A
<b>Tổng</b>	<b>6.614.877</b>	<b>5</b>	<b>9,3</b>

(Nguồn: S&P Global Platts)

### Bộ Công nghiệp Úc dự báo giá than nhiệt giao lẻ của nước này sẽ giảm 14% đến năm 2021

Trong phiên bản mới nhất của báo cáo Tài nguyên và Năng lượng, Bộ Công nghiệp Úc đã vẽ ra một bức tranh âm ảm đạm cho các nhà sản xuất than trong những năm tới, cắt giảm dự báo giá than tham chiếu. Trong phiên bản mới nhất này, dự báo giá than nhiệt Newcastle 6.000 kcal/kg NAR, điều kiện FOB trung bình năm 2019 sẽ giảm 10% so với dự báo trong báo cáo tháng 3 xuống còn 83 USD/tấn. Dự báo năm 2020 giảm 12% so với báo cáo tháng 3 xuống còn 73 USD/tấn và dự báo năm 2021 giảm 14% xuống còn 67 USD/tấn.

Theo báo cáo: “Thị trường than nhiệt Châu Á dự kiến sẽ vẫn có nguồn cung dồi dào trong hai năm rưỡi tới từ Úc, Nga và Indonesia. Nhu cầu từ những khách hàng truyền thống tại Châu Á sẽ sụt giảm nhưng được bù đắp từ các nền kinh tế mới nổi tại đây. Chính sách phát triển thị trường than trong nước và quy định nhập khẩu của Trung Quốc vẫn là rủi ro chính đối với các dự báo và có thể khiến nhu cầu biến động liên tục”. Dự báo tổng lượng than nhiệt nhập khẩu của Trung Quốc trong năm nay giảm 4% xuống còn 200 triệu tấn, giảm 5% cho cả năm 2020 và 2021 xuống còn 185 triệu tấn và 170 triệu tấn. Ngoài ra, nguồn cung từ các nhà sản xuất Indonesia và Mỹ có thể khiến thời gian đàm phán hợp đồng kéo dài và áp lực giảm giá để đưa thị trường về cân bằng.

Ngoài ra báo cáo cũng cho thấy khả năng có làn sóng nhập khẩu than mạnh hơn dự kiến từ các nền kinh tế mới nổi tại Châu Á và Nhật Bản, nơi các lò phản ứng hạt nhân có thể đóng cửa nếu lỡ thời hạn thực hiện các quy định quan trọng, từ đó thúc đẩy áp dụng thuế chống trợ cấp. Cũng như giá giao lẻ, Bộ cũng hạ dự báo giá than trong hợp đồng năm. Dự báo giá trong hợp đồng mua than của Nhật Bản cho năm 2020 giảm 12% xuống còn 76 USD/tấn và giảm 14% xuống còn 69 USD/tấn cho năm 2021. Dự báo khối lượng xuất khẩu hầu như không thay đổi, dự báo cho năm tài khóa 2019-2020 được giữ nguyên ở mức 210 triệu tấn, trong khi năm 2020-2021 được nâng thêm 1 triệu tấn lên 216 triệu tấn.

*(Nguồn: S&P Global Platts)*

### **Trung Quốc đạt kỷ lục về công suất lọc dầu trong tháng 6**

Theo số liệu chính thức từ Trung Quốc, sản lượng dầu thô được tinh chế của Trung Quốc đã đạt kỷ lục mới trong tháng 6 khi hai nhà máy lọc dầu lớn đi vào hoạt động. Trong tháng trước, sản lượng dầu thô đầu vào tại các nhà máy lọc dầu của Trung Quốc đã tăng thêm 7,7% so với năm 2018, lên khoảng 13,07 triệu bpd, tính toán từ dữ liệu do Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS) cung cấp. Hai nhà máy lọc dầu tư nhân lớn đi vào hoạt động, mỗi nhà máy có công suất xử lý 400.000 bpd, đã giúp sản lượng dầu thô đầu vào tại các nhà máy lọc dầu của Trung Quốc tăng vọt lên mức cao kỷ lục, đánh bại kỷ lục trước đó trong tháng 4 với 12,68 triệu bpd. Tuy nhiên, dự kiến sản lượng dầu thô đầu vào của Trung Quốc sẽ không có thêm kỷ lục mới ít nhất trong vài tháng tới, do một số nhà máy kéo dài thời gian tạm ngừng hoạt động trong bối cảnh lượng diesel và xăng tồn kho cao và nhu cầu tiêu thụ trong nước thấp, theo phân tích của ông Wang Zhao, một chuyên gia của Sublime Information Co.

Nhờ nhu cầu từ hai nhà máy lọc dầu mới, nhập khẩu dầu thô của Trung Quốc trong tháng 6 cũng tăng 1,7% so với tháng 5 và 15,2% so với tháng 6 năm ngoái. Nhập khẩu dầu thô của Trung Quốc trong tháng 6 trung bình đạt 9,63 triệu bpd, tăng từ mức trung bình 9,47 triệu bpd trong tháng 5 và tăng 15,2% so với 8,36 triệu bpd trong tháng 6 năm ngoái, theo tính toán của Reuters từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc. Mặc dù biên lợi nhuận từ hoạt động tinh luyện giảm xuống và dư thừa các sản phẩm dầu tinh chế, nhu cầu dầu thô ở Trung Quốc đã tăng trong tháng trước nhờ tập đoàn lọc hóa dầu Hengli, doanh nghiệp sở hữu một nhà máy lọc dầu mới khởi động vào đầu năm nay và có công suất tăng vọt lên 400.000 bpd vào cuối tháng 5. Một nhà máy lọc dầu công suất 400.000 bpd khác của tập đoàn lọc hóa dầu Chiết Giang đã bắt đầu chạy thử, tiếp tục thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ dầu thô. Tuy nhiên, một số nhà máy lọc dầu của Trung Quốc đang cắt giảm công suất trong quý III khi một số nhà máy lọc dầu lớn đi vào hoạt động và nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu trong nước giảm đã tạo ra tình trạng thừa cung nhiên liệu, làm giảm lợi nhuận từ hoạt động tinh chế.

*(Nguồn: <https://oilprice.com/Energy/Energy-General/Chinas-Refineries-Hit-New-All-Time-Operating-Record.html>)*